# PHẦN VĂN BẢN KHÁC

## VĂN BẢN HỢP NHẤT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## QUYẾT ĐỊNH[1]
## Ban hành Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế

Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2013;

2. Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015.

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*
*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính* [2]*,*

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 03 Quyết định sau:

- Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2009;
- Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2013;
- Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/Q Đ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 03 Quyết định nêu trên.

[2] Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, có căn cứ ban hành như sau:

*"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ."*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế.

**Điều 2.**[3] Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2009. Bãi bỏ Quyết định số 205/1998/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 1998 và Quyết định số 206/2003/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 3.**[4] Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

---

Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, có căn cứ ban hành như sau:

*"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ."*

[3] Điều 2 của Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2013 quy định như sau:

*"**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2013.*

*1. Bộ Tài chính, Bộ Công Thương chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quyết định này.*

*2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm quản lý chặt chẽ không để tình trạng lợi dụng gian lận, trốn thuế."*

Điều 2 của Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 quy định như sau:

*"**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015.*

*Bộ Tài chính, Bộ Công Thương chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quyết định này."*

[4] Điều 3 của Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 quy định như sau:

*"Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này"*

# QUY CHẾ
## Về kinh doanh bán hàng miễn thuế
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)*

**Điều 1.** Quy định chung

1. Kinh doanh bán hàng miễn thuế là hoạt động kinh doanh bán hàng hóa được miễn thuế cho các đối tượng được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định tại Điều 4 và Điều 6 Quy chế này.

2. Cửa hàng miễn thuế là điểm bán hàng miễn thuế của thương nhân kinh doanh bán hàng miễn thuế quy định tại Điều 3 Quy chế này.

3. Quy định đối với hàng miễn thuế:

a) Hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế là hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, hàng hóa nhập khẩu được phép lưu thông theo quy định của pháp luật;

b) Hàng hóa nhập khẩu chưa nộp thuế đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được quản lý theo chế độ hàng tạm nhập và được lưu lại tại cửa hàng miễn thuế trong thời hạn không quá 365 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan đối với lô hàng nhập khẩu;

c) Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế, hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được coi là hàng hóa xuất khẩu và quản lý theo chế độ hàng tạm xuất; được lưu lại tại cửa hàng miễn thuế trong thời hạn không quá 365 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan đối với lô hàng xuất khẩu;

d) Trường hợp cần kéo dài thời hạn tạm nhập, tạm xuất hàng hóa lưu tại cửa hàng miễn thuế nêu trên, thương nhân có văn bản gửi cơ quan Hải quan đề nghị gia hạn, thời hạn gia hạn một lần không quá 180 ngày cho mỗi lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu;

đ) Hàng miễn thuế nếu được đưa vào bán ở thị trường nội địa thì thương nhân phải thực hiện theo quy định của pháp luật như đối với hàng hóa nhập khẩu thương mại;

e) Hàng hóa bị đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng không được bán phục vụ tiêu dùng; thương nhân lập biên bản về tình trạng hàng hóa có xác nhận của cơ quan Hải quan và tổ chức hủy bỏ theo quy định về hủy bỏ phế liệu dưới sự giám sát của cơ quan Hải quan và báo cáo Tổng cục Hải quan kết quả hủy bỏ hàng hóa.

4.[5] *Đồng tiền dùng trong giao dịch tại cửa hàng miễn thuế bao gồm:*

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2013.

*a) Đồng Việt Nam;*

*b) Các đồng ngoại tệ tự do chuyển đổi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*c) Đồng tiền của nước có chung biên giới ở các cửa hàng miễn thuế tại khu vực biên giới.*

5.[6] *Việc nhập khẩu thuốc lá để kinh doanh bán hàng miễn thuế thực hiện theo giấy phép và hướng dẫn của Bộ Công Thương.*

**Điều 2.** Cấp phép hoạt động kinh doanh bán hàng miễn thuế

Thương nhân kinh doanh bán hàng miễn thuế phải có giấy phép hoạt động do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố sở tại nơi có cửa khẩu quốc tế cấp dưới hình thức Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại.

**Điều 3.** Địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế

1[7]. *Ở cửa khẩu quốc tế:*

*a) Địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế ở cửa khẩu quốc tế sân bay, cảng biển, đường bộ, đường sắt để phục vụ người xuất cảnh, quá cảnh (bao gồm cả người điều khiển và nhân viên phục vụ trên phương tiện vận chuyển xuất cảnh, quá cảnh) nằm trong khu cách ly và trong khu vực giám sát của cơ quan Hải quan;*

*b) Địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế ở cửa khẩu quốc tế sân bay để phục vụ người nhập cảnh (không bao gồm người điều khiển và nhân viên phục vụ trên phương tiện vận chuyển nhập cảnh) nằm trong khu vực quản lý, kiểm tra, kiểm soát của cơ quan Hải quan."*

2. Trong nội thành (Downtown Duty Free Shop) để phục vụ người chờ xuất cảnh, đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3[8]. *Trên tàu bay thực hiện các chuyến bay quốc tế của hãng hàng không được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam được bán hàng miễn thuế phục vụ hành khách xuất cảnh trên tàu bay, hành khách trên tàu bay đến Việt Nam.*

---

[6] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2013.

[7] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2013.

[8] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015.

4. Địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế của thương nhân phải có phần mềm máy tính nối mạng với cơ quan Hải quan, bảo đảm việc quản lý bán hàng miễn thuế theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan và phải có văn bản xác nhận đủ điều kiện kiểm tra, kiểm soát của Bộ Tài chính.

**Điều 4.** Chính sách thuế đối với hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế

1. Hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế không thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng; được miễn thuế nhập khẩu nếu là hàng nhập khẩu.

2. Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế, hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được hoàn lại thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các mặt hàng là thuốc lá, rượu, bia, hàng điện máy bán tại cửa hàng miễn thuế phải dán tem "VIETNAM DUTY NOT PAID" do Bộ Tài chính phát hành. Bộ Tài chính quy định cụ thể vị trí dán tem "VIETNAM DUTY NOT PAID" đối với các mặt hàng nêu trên. Các mặt hàng khác không phải dán tem.

**Điều 5.** Đối tượng và điều kiện được mua hàng miễn thuế

1. Đối tượng và điều kiện được mua hàng là người xuất cảnh, quá cảnh:

a) Người xuất cảnh, quá cảnh qua các cửa khẩu quốc tế Việt Nam sau khi hoàn thành thủ tục xuất cảnh, quá cảnh hoặc người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế;

b) Người xuất cảnh, quá cảnh khi mua hàng phải xuất trình hộ chiếu, giấy thông hành đã được phép xuất cảnh hoặc xuất trình Thẻ lên máy bay (Boarding pass) đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường hàng không;

c) Người chờ xuất cảnh mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội thành phải xuất trình hộ chiếu hợp lệ, vé đã đăng ký ngày xuất cảnh. Hàng được nhận tại khu cách ly cửa khẩu xuất cảnh.

2.[9] *Đối tượng mua hàng là hành khách trên tàu bay đang thực hiện các chuyến bay quốc tế của hãng hàng không được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam được mua hàng miễn thuế trên tàu bay khi xuất cảnh, tàu bay đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam.*

3. Đối tượng mua hàng là cơ quan, tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi về thuế khi mua hàng phải xuất trình Sổ định mức hàng miễn thuế hoặc văn bản xác nhận của Bộ, ngành trực tiếp quản lý kèm theo hộ chiếu hoặc chứng minh thư do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp nếu mua hàng cho cá nhân, công hàm đề nghị hoặc giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức nếu mua hàng cho cơ quan, tổ chức.

---

[9] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015.

4. Đối tượng mua hàng là thủy thủ làm việc trên tàu biển vận tải quốc tế (bao gồm tàu biển có quốc tịch nước ngoài và tàu biển có quốc tịch Việt Nam chạy tuyến quốc tế) được mua hàng miễn thuế phục vụ cho nhu cầu cá nhân, nhu cầu sinh hoạt chung của thủy thủ trong thời gian tàu biển neo đậu tại cảng biển Việt Nam để sử dụng trên tàu và ngoài lãnh hải Việt Nam khi tàu xuất cảnh.

5.[10] *Đối tượng và điều kiện được mua hàng miễn thuế là người nhập cảnh, hành khách trên tàu bay đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam:*

*a) Người nhập cảnh ngay sau khi hoàn thành thủ tục nhập cảnh được mua hàng miễn thuế ngay tại cửa khẩu quốc tế sân bay nhập cảnh; không được mua hàng miễn thuế sau khi đã ra khỏi khu vực quản lý, kiểm tra, kiểm soát của cơ quan Hải quan tại cửa khẩu quốc tế sân bay nhập cảnh;*

*b) Người nhập cảnh khi mua hàng miễn thuế phải xuất trình hộ chiếu có đóng dấu nhập cảnh, thẻ lên tàu bay - Boarding pass. Cửa hàng miễn thuế phải sao chụp lưu một trong những chứng từ này".*

*c) Hành khách mua hàng miễn thuế trên tàu bay đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam phải xuất trình hộ chiếu, thẻ lên tàu bay - Boarding pass. Tiếp viên hàng không phải ghi đầy đủ thông tin: Tên khách mua hàng, số hộ chiếu, số chuyến bay, số ghế.*

*Đoàn tiếp viên thực hiện việc tổng hợp chứng từ, ghi chép các thông tin liên quan đến khách mua hàng miễn thuế và bàn giao cho doanh nghiệp kinh doanh bán hàng miễn thuế để thực hiện nhập dữ liệu liên quan đến việc bán hàng của chuyến bay vào hệ thống phần mềm quản lý nối mạng với cơ quan Hải quan ngay sau khi tàu bay hoàn thành thủ tục nhập cảnh.*

**Điều 6.** Định lượng mua hàng miễn thuế

1. Người xuất cảnh, quá cảnh được mua hàng miễn thuế không hạn chế số lượng và trị giá nhưng phải tự chịu trách nhiệm về thủ tục và định lượng để nhập khẩu vào nước nhập cảnh. Trường hợp mua hàng miễn thuế với trị giá trên mức ngoại tệ, đồng Việt Nam phải khai báo hải quan theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì người xuất cảnh khi mua hàng phải xuất trình với nhân viên bán hàng chứng từ chứng minh nguồn gốc ngoại tệ, đồng Việt Nam theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Người xuất cảnh bằng giấy thông hành xuất nhập cảnh được mua hàng miễn thuế như khách xuất cảnh bằng hộ chiếu hợp lệ.

---

[10] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015.

2. Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi về thuế được mua hàng miễn thuế theo định lượng do Thủ tướng Chính phủ quy định.

3. Đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển vận tải quốc tế quy định tại khoản 4, Điều 5 Quy chế này, Bộ Tài chính quy định cụ thể mặt hàng và định lượng hàng miễn thuế.

a) Hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam được bán theo đơn đặt hàng của thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu để sử dụng trên tàu;

b) Hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu của thuyền viên cho hành trình tiếp theo được bán theo đơn đặt hàng của thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu. Số hàng hóa này chịu sự giám sát của cơ quan Hải quan cho đến khi tàu rời cảng;

c) Đơn đặt hàng có thể sử dụng chứng từ giấy, điện tử như e-mail, fax.

4.[11] *Người nhập cảnh, hành khách trên tàu bay đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam được mua hàng miễn thuế theo định mức hành lý miễn thuế quy định tại Quyết định số 31/2015/QĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về định mức hành lý, tài sản di chuyển, quà biếu, quà tặng, hàng mẫu được miễn thuế, xét miễn thuế, không chịu thuế.*

**Điều 7.** Trách nhiệm của thương nhân

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc bán hàng miễn thuế đúng đối tượng, định lượng quy định và thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế này.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Định kỳ sáu tháng và hàng năm, thương nhân báo cáo Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) về hoạt động kinh doanh bán hàng miễn thuế. Nội dung báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan).

**Điều 8.** Xử lý vi phạm

1. Mọi cá nhân, tổ chức liên quan vi phạm quy định tại Quy chế này sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

---

[11] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015.

2. Thương nhân vi phạm quy định tại Quy chế này, tùy theo tính chất mức độ cụ thể sẽ bị xử lý tạm đình chỉ hoạt động, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Điều 9.** Tổ chức thực hiện

1. Thương nhân đã được phép kinh doanh bán hàng miễn thuế trước ngày ban hành Quy chế này không phải làm lại thủ tục cấp phép kinh doanh.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quy chế này./.

---

**BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 03/VBHN-BTC

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2016*

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**